

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 32.2016/SJ1/CV-CBTT  
(V/v Công bố thông tin định kỳ:  
BCTC 6 tháng đầu năm 2016 đã soát xét)

Tp.HCM, ngày 13 tháng 08 năm 2016

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;  
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.**

1. Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
2. Mã chứng khoán: SJ1
3. Địa chỉ trụ sở chính: 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, TP.HCM
4. Điện thoại: 08 3974 1135 – 08 3974 1136 Fax: 08 3974 1280
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Từ Thanh Phụng – Tổng Giám đốc
6. Nội dung của thông tin công bố:
  - 6.1 Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 (đã soát xét) của Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu được lập ngày 10/08/2016 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
  - 6.2 Nội dung giải trình: không có
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [www.agri.hunghau.vn](http://www.agri.hunghau.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên,
- Lưu VT.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**



**TỪ THANH PHỤNG  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU**

**Báo cáo tài chính**  
cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/6/2016  
đã được soát xét

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT**  
**NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

29 Hoàng Sa, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tel: (84-8) 39103908; 39104881 - Fax: (84-8) 39104880

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	06 – 08
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	09
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	10 – 11
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính</i>	12 – 35



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016.

### Khái quát

Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 07 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 02 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện khoản 1 điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Lắp đặt công trình hệ thống điện;
- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Lắp đặt công trình điều hòa không khí;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Lắp đặt công trình lạnh công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Nuôi trồng thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở).

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

### Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Hậu	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Chủ tịch
Ông Ngô Đức Dũng	Thành viên
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên
Ông Trần Đức Dũng	Thành viên
Bà Đinh Thị Bích Hà	Thành viên
Ông Từ Thanh Phụng	Thành viên

1388  
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU  
TP. HCM



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban Tổng Giám đốc

Ông Từ Thanh Phụng  
Bà Tô Thị Kim Thịnh  
Bà Đinh Thị Bích Hà  
Ông Ngô Văn Thế  
Ông Võ Minh Khang

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

### Ban kiểm soát

Bà Huỳnh Thanh  
Ông Huỳnh Minh Tâm  
Bà Đinh Thị Bảo Yến

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/6/2016, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu phê duyệt Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2016

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch

CÔNG TY CỔ PHẦN  
NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU

Trần Văn Hậu

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

Từ Thanh Phụng

0473  
NG T  
PH  
NG  
GH  
T.P

C.T  
Y  
U HAN  
AN  
TOAN  
AN  
ET  
CHINH





Số : 329/BCSX/TC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu được lập ngày 20/07/2016, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

183  
Y  
N  
HIỆ  
ẬU  
180



**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán độc lập khác có ý kiến chấp nhận toàn phần.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt  
Phó Giám đốc**



**Cao Thị Hồng Nga**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0613-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2016



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>314.630.649.769</b>	<b>239.332.189.354</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.1	<b>6.704.601.009</b>	<b>29.158.919.065</b>
1. Tiền	111		6.704.601.009	19.158.919.065
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		<b>28.000.000.000</b>	<b>28.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	28.000.000.000	28.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>168.719.921.068</b>	<b>96.264.617.157</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	74.640.213.889	52.280.101.218
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	92.192.837.569	43.344.206.106
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.886.869.610	640.309.833
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140	V.6	<b>108.172.196.471</b>	<b>84.426.626.389</b>
1. Hàng tồn kho	141		108.172.196.471	84.426.626.389
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>3.033.931.221</b>	<b>1.482.026.743</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.031.328.787	92.939.707
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.927.654.874	1.389.087.036
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	74.947.560	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>179.276.908.929</b>	<b>164.107.067.778</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		<b>5.695.105.930</b>	<b>5.563.009.146</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	5.695.105.930	5.563.009.146
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		<b>110.536.272.570</b>	<b>108.716.668.137</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	68.488.515.342	71.094.928.965
- Nguyên giá	222		104.595.285.681	103.777.148.954
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.106.770.339)	(32.682.219.989)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	28.026.096.390	23.426.820.762
- Nguyên giá	225		30.362.676.508	24.344.425.642
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.336.580.118)	(917.604.880)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	14.021.660.838	14.194.918.410
- Nguyên giá	228		15.841.673.395	15.841.673.395
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.820.012.557)	(1.646.754.985)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	230		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	240		<b>2.115.933.225</b>	<b>1.884.034.091</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	2.115.933.225	1.884.034.091
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	250		<b>24.225.500.000</b>	<b>15.225.500.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	9.000.000.000	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	15.225.500.000	15.225.500.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>36.704.097.204</b>	<b>32.717.856.404</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	36.704.097.204	32.717.856.404
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>493.907.558.698</b>	<b>403.439.257.132</b>



1388  
NG T  
HIỆM H  
TU TU  
NH KẾ  
EM TI  
VI VI  
P. HỒ



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		<b>351.299.050.522</b>	<b>263.218.434.935</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		<b>290.097.566.397</b>	<b>220.094.695.808</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	26.726.005.010	20.245.954.022
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		816.304.846	485.955.330
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6.168.527.919	4.398.122.396
4. Phải trả người lao động	314		4.977.333.897	6.199.956.845
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	-	382.409.076
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	5.631.894.000	4.662.654.079
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	245.026.039.429	183.716.302.075
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		751.461.296	3.341.985
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		<b>61.201.484.125</b>	<b>43.123.739.127</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	61.201.484.125	43.123.739.127
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		<b>142.608.508.176</b>	<b>140.220.822.197</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410	V.17	<b>142.608.508.176</b>	<b>140.220.822.197</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		77.451.840.000	77.451.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		77.451.840.000	77.451.840.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.153.369.960	29.153.369.960
3. Cổ phiếu quỹ	415		(10.100.000)	(10.100.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.466.640.376	16.466.640.376
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.546.757.840	17.159.071.861
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.177.294.652	930.685.637
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.369.463.188	16.228.386.224
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	430		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>493.907.558.698</b>	<b>403.439.257.132</b>

Người lập biểu

*Nguyễn Thị Thanh Vân*

Kế toán trưởng

Dư Thiện Minh Trang

Tổng Giám đốc

Từ Thanh Phụng

Nguyễn Thị Thanh Vân

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2016






**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	276.089.267.248	241.472.011.636
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		276.089.267.248	241.472.011.636
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	247.331.242.050	222.008.984.882
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.758.025.198	19.463.026.754
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.570.031.417	894.308.289
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.400.782.599	6.701.210.122
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.988.493.827	4.887.907.574
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.742.209.381	3.762.932.132
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.824.675.629	5.259.814.358
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.360.389.006	4.633.378.431
11. Thu nhập khác	31	VI.6	508.594.727	2.807.161.829
12. Chi phí khác	32	VI.7	601.890.162	214.205.315
13. Lợi nhuận khác	40		(93.295.435)	2.592.956.514
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.267.093.571	7.226.334.945
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	1.897.630.383	1.589.793.688
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.369.463.188	5.636.541.257
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71	VI.9	973	703

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Vân

Kế toán trưởng



Dư Thiện Minh Trang

Tổng Giám đốc



Từ Thanh Phụng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2016



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.267.093.571	7.226.334.945
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.016.783.160	3.301.595.784
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(78.950.288)	321.568.958
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.078.792.357)	(579.699.296)
- Chi phí lãi vay	06		8.988.493.827	4.887.907.574
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.114.627.913	15.157.707.965
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(72.744.471.682)	5.521.938.761
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(23.745.570.082)	2.075.062.729
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7.884.979.539	12.172.103.446
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(4.924.629.880)	(31.645.541.864)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.370.902.903)	(4.817.643.090)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.097.194.873)	(520.278.582)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(150.835.447)	(3.100.533.888)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(82.033.997.415)</b>	<b>(5.157.184.523)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.050.035.861)	(20.078.790.029)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(21.072.902.778)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	12.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(9.000.000.000)	(15.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		701.298.234	472.874.296
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(9.348.737.627)</b>	<b>(43.678.818.511)</b>

01  
 02  
 03  
 04  
 05  
 06  
 07  
 08  
 09  
 10  
 11  
 12  
 13  
 14  
 15  
 16  
 17  
 20  
 21  
 22  
 23  
 24  
 25  
 26  
 27  
 30

M.S.D.N.V.  
 QU.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

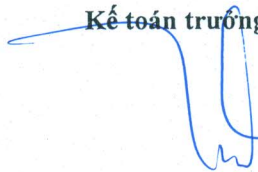
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		295.369.088.417	230.525.112.514
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(218.580.500.039)	(177.306.926.143)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(4.007.361.892)	(3.479.691.294)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.852.809.500)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>68.928.416.986</b>	<b>49.738.495.077</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>(22.454.318.056)</b>	<b>902.492.043</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60		<b>29.158.919.065</b>	<b>5.682.268.212</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	V.1	<b>6.704.601.009</b>	<b>6.584.760.255</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Vân

Kế toán trưởng



Dư Thiện Minh Trang

Tổng Giám đốc



Từ Thanh Phụng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2016



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 07 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 02 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện khoản 1 điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Lắp đặt công trình hệ thống điện;
- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Lắp đặt công trình điều hòa không khí;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Lắp đặt công trình lạnh công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Nuôi trồng thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở).

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong kỳ, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh

380  
Y  
N  
HIỆP  
ẬU  
100

13884  
NG T'  
HIỆM HỘ  
TU TỰ  
H KẾ  
EM TC  
VI  
HỒ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Danh sách Công ty con:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH Thực phẩm Hùng Hậu	Lô C3-1 Đường D2 và đường N7, KCN Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Từ khi thành lập đến ngày 31/12/2015, kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm 2016, kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/09/2016.

Những năm tiếp theo, kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/10 năm này và kết thúc vào ngày 30/09 của năm tiếp theo.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản, các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và phải thu khác**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	04 – 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 06 năm
- Quyền sử dụng đất	44 năm
- Chương trình phần mềm	05 – 08 năm



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

b) Đầu tư vào công ty con; Công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**8. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận nợ phải trả và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

11/11/2016

N.0305  
TRÁCH  
DỊCH  
TÀI C  
VÀ  
N  
11/11/2016



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

21388  
ÔNG  
NHIỆM  
VỤ T  
ÍNH KI  
KIỂM T  
AM VI  
TP. HCM



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

**16. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**17. Công cụ tài chính  
Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

20  
N  
O  
I  
G  
J  
T

4-C.T.  
Y  
ƯU HẠN  
VĂN  
TOÁN  
DÀN  
ÉT  
CHÍNH



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2016	01/01/2016
Tiền mặt	396.414.683	436.680.912
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.308.186.326	18.722.238.153
Các khoản tương đương	-	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.704.601.009</b>	<b>29.158.919.065</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>28.000.000.000</b>
+ Tiền gửi có kỳ hạn	28.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000
<b>b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>24.225.500.000</b>	<b>285.540.800</b>	<b>15.225.500.000</b>	<b>336.587.200</b>
- Đầu tư vào Công ty con	9.000.000.000	-	-	-
+ Công ty TNHH Thực phẩm Hùng Hậu (*)	9.000.000.000	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	15.225.500.000	285.540.800	15.225.500.000	336.587.200
+ Công ty CP Thủy sản Năm Căn (15.952 CP)	159.520.000	285.540.800	159.520.000	336.587.200
+ Công ty CP Bao bì Thủy sản (6.598 CP)	65.980.000	(***)	65.980.000	(***)
+ Trường Đại học Văn Hiến (**)	15.000.000.000	(***)	15.000.000.000	(***)

(\*) Trong kỳ, Công ty tham gia góp vốn thành lập Công ty TNHH Thực phẩm Hùng Hậu với số vốn được góp là 30.600.000.000 VND (tương đương 51%). Đến ngày 30/06/2016, Công ty đã chuyển khoản góp vốn là 9.000.000.000 VND.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

(\*\*) Theo Biên bản thỏa thuận ngày 05/06/2015 giữa Công ty và Công ty CP Phát triển Hùng Hậu, Công ty CP Phát triển Hùng Hậu sẽ chuyển nhượng một phần góp vốn vào Trường Đại học Văn Hiến cho Công ty là 20.368.000.000 VND (tương đương 10% vốn góp) với giá trị chuyển nhượng là 25.000.000.000 VND. Đến ngày 30/06/2016, Công ty đã chuyển 15.000.000.000 VND đợt 1 theo Biên bản thỏa thuận.

(\*\*\*) Tại ngày 01/01/2016 và ngày 30/06/2016, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán này nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính.

**3. Phải thu của khách hàng**

	30/06/2016	01/01/2016
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>74.640.213.889</b>	<b>52.280.101.218</b>
Công ty TNHH Nông nghiệp Tây Nguyên	14.941.284.454	10.361.292.251
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	11.556.043.590	7.216.203.186
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn khác	48.142.885.845	34.702.605.781

**b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

Xem thuyết minh Báo cáo tài chính phần VII.1

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu	14.658.380.949	20.000.000.000
Công ty CP Thủy sản số 9	10.148.912.013	21.243.931.056
Các khoản trả trước người bán ngắn hạn khác	67.385.544.607	2.100.275.050
<b>Cộng</b>	<b>92.192.837.569</b>	<b>43.344.206.106</b>

**5. Phải thu khác**

	30/06/2016	01/01/2016
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.886.869.610</b>	<b>640.309.833</b>
Lãi tiền gửi dự thu	438.682.354	435.160.833
Phải thu tạm ứng cán bộ công nhân viên	534.010.257	92.149.000
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	540.204.397	-
Phải thu khác	373.972.602	113.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>5.695.105.930</b>	<b>5.563.009.146</b>
Ký quỹ thuê tài chính - Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	3.326.533.800	3.326.533.800
Thuế GTGT tài sản thuê tài chính	1.984.585.330	1.749.395.046
Phải thu Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc mượn tiền mua cổ phiếu	86.137.500	113.712.500
Phải thu cán bộ công nhân viên mượn tiền mua cổ phiếu	297.849.300	373.367.800
<b>Cộng</b>	<b>7.581.975.540</b>	<b>6.203.318.979</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**6. Hàng tồn kho**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	30.543.194.172	-	23.951.389.046	-
Công cụ, dụng cụ	2.082.316.499	-	1.397.819.996	-
Thành phẩm	75.546.685.800	-	58.452.600.245	-
Hàng gửi đi bán	-	-	624.817.102	-
<b>Cộng</b>	<b>108.172.196.471</b>	<b>-</b>	<b>84.426.626.389</b>	<b>-</b>

	30/06/2016	01/01/2016
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	108.172.196.471	84.426.626.389

**7. Chi phí trả trước**

	30/06/2016	01/01/2016
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.031.328.787</b>	<b>92.939.707</b>
Chi phí Bảo Hiểm chờ kết chuyển	75.536.363	67.840.843
Tiền thuê đất	897.229.200	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	58.563.224	25.098.864
<b>b) Dài hạn</b>	<b>36.704.097.204</b>	<b>32.717.856.404</b>
Tiền thuê đất (*)	36.415.104.558	32.126.825.256
Chi phí sửa chữa	219.348.709	506.978.121
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	69.643.937	84.053.027
<b>Cộng</b>	<b>37.735.425.991</b>	<b>32.810.796.111</b>

(\*) Tiền thuê đất trả trước một lần tại số 642 và 624 Âu Cơ, P.10, Q. Tân Bình với thời gian thuê từ 32 - 42 năm đã được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư đầu năm	61.138.121.599	34.353.073.225	6.106.254.258	2.179.699.872	103.777.148.954
Số tăng trong kỳ	-	757.136.727	61.000.000	-	818.136.727
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>61.138.121.599</b>	<b>35.110.209.952</b>	<b>6.167.254.258</b>	<b>2.179.699.872</b>	<b>104.595.285.681</b>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư đầu năm	9.566.584.574	18.096.269.841	3.673.535.774	1.345.829.800	32.682.219.989
Khấu hao trong kỳ	1.608.477.488	1.580.677.442	181.954.248	53.441.172	3.424.550.350
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>11.175.062.062</b>	<b>19.676.947.283</b>	<b>3.855.490.022</b>	<b>1.399.270.972</b>	<b>36.106.770.339</b>
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày đầu năm	51.571.537.025	16.256.803.384	2.432.718.484	833.870.072	71.094.928.965
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>49.963.059.537</b>	<b>15.433.262.669</b>	<b>2.311.764.236</b>	<b>780.428.900</b>	<b>68.488.515.342</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay  
Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

	30/06/2016	01/01/2016
	49.947.085.784	52.313.405.804
	7.765.611.397	7.486.721.397



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư đầu năm	19.672.097.700	4.672.327.942	24.344.425.642
Số tăng trong kỳ	6.018.250.866	-	6.018.250.866
Số giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>25.690.348.566</b>	<b>4.672.327.942</b>	<b>30.362.676.508</b>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư đầu năm	825.131.724	92.473.156	917.604.880
Khấu hao trong kỳ	1.126.954.746	292.020.492	1.418.975.238
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.952.086.470</b>	<b>384.493.648</b>	<b>2.336.580.118</b>
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày đầu năm	18.846.965.976	4.579.854.786	23.426.820.762
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>23.738.262.096</b>	<b>4.287.834.294</b>	<b>28.026.096.390</b>

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư đầu năm	15.558.573.395	283.100.000	15.841.673.395
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>15.558.573.395</b>	<b>283.100.000</b>	<b>15.841.673.395</b>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư đầu năm	1.555.212.874	91.542.111	1.646.754.985
Khấu hao trong kỳ	155.563.824	17.693.748	173.257.572
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.710.776.698</b>	<b>109.235.859</b>	<b>1.820.012.557</b>
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày đầu năm	14.003.360.521	191.557.889	14.194.918.410
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>13.847.796.697</b>	<b>173.864.141</b>	<b>14.021.660.838</b>

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2016	01/01/2016
Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJI Plaza	1.878.034.091	1.878.034.091
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	237.899.134	6.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.115.933.225</b>	<b>1.884.034.091</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**12. Phải trả người bán**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>26.726.005.010</b>	<b>26.726.005.010</b>	<b>20.245.954.022</b>	<b>20.245.954.022</b>
Công ty TNHH MTV Thủy sản Diệp Nga	479.066.344	479.066.344	3.012.939.581	3.012.939.581
DNTN Thủy sản Việt Liên	1.053.383.030	1.053.383.030	2.739.188.060	2.739.188.060
Công ty TNHH Thủy hải sản Huỳnh Quang	2.026.495.000	2.026.495.000	-	-
Công ty TNHH Hoàn Kim	4.845.847.696	4.845.847.696	2.515.199.107	2.515.199.107
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	2.694.864.380	2.694.864.380	789.493.810	789.493.810
Công ty TNHH Hùng Cá	-	-	580.000.000	580.000.000
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	15.626.348.560	15.626.348.560	10.609.133.464	10.609.133.464

**b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

Xem thuyết minh Báo cáo tài chính phần VII.1

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2016
	<b>a) Phải nộp</b>	<b>4.398.122.396</b>	<b>10.213.681.838</b>	<b>8.443.276.315</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.296.559.209	1.897.630.383	2.097.194.873	1.096.994.719
Thuế thu nhập cá nhân	9.040.112	822.796.550	831.836.662	-
Tiền thuê đất	3.092.523.075	7.490.254.905	5.511.244.780	5.071.533.200
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>b) Phải thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>74.947.560</b>	<b>74.947.560</b>
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	74.947.560	74.947.560

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
Chi phí lãi vay	-	382.409.076
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>382.409.076</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**15. Phải trả khác**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>5.631.894.000</b>	<b>4.662.654.079</b>
Kinh phí công đoàn	196.123.442	198.115.322
Bảo hiểm y tế	308.742.907	397.524.057
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	86.292.200	67.014.700
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu - Nhận góp vốn	4.000.000.000	4.000.000.000
Hợp tác kinh doanh dự án căn hộ cao cấp SJ1 Plaza		
Phải trả khác	1.040.735.451	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.631.894.000</b>	<b>4.662.654.079</b>

C.P. H.H.

M.S.D.A.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**16. Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>245.026.039.429</b>	<b>245.026.039.429</b>	<b>183.716.302.075</b>	<b>183.716.302.075</b>
- Kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 06 tháng	232.399.333.157	232.399.333.157	175.346.324.779	175.346.324.779
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	89.949.499.460	89.949.499.460	89.091.458.578	89.091.458.578
+ Ngân hàng TNHH MTV HSBC	33.176.654.699	33.176.654.699	30.335.979.695	30.335.979.695
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	37.546.669.638	37.546.669.638	9.111.038.656	9.111.038.656
+ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	18.358.078.499	18.358.078.499	29.598.861.390	29.598.861.390
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank) - CN An Phú	53.368.430.861	53.368.430.861	16.377.752.760	16.377.752.760
+ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	-	831.233.700	831.233.700
- Kỳ hạn từ 06 tháng đến dưới 12 tháng	12.626.706.272	12.626.706.272	8.369.977.296	8.369.977.296
+ Vay dài hạn đến hạn trả	6.728.840.000	6.728.840.000	3.528.840.000	3.528.840.000
+ Nợ thuê tài chính đến hạn trả	5.897.866.272	5.897.866.272	4.841.137.296	4.841.137.296
<b>b) Dài hạn</b>	<b>61.201.484.125</b>	<b>61.201.484.125</b>	<b>43.123.739.127</b>	<b>43.123.739.127</b>
- Kỳ hạn trên 1 năm dưới 5 năm	36.134.904.125	36.134.904.125	16.457.139.127	16.457.139.127
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank) - CN An Phú	1.150.800.000	1.150.800.000	1.315.200.000	1.315.200.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) - CN Đồng Tháp	18.300.000.000	18.300.000.000	-	-
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	16.684.104.125	16.684.104.125	15.141.939.127	15.141.939.127
- Kỳ hạn trên 5 năm dưới 10 năm	25.066.580.000	25.066.580.000	26.666.600.000	26.666.600.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	25.066.580.000	25.066.580.000	26.666.600.000	26.666.600.000
<b>c) Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán</b>				
Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính chưa thanh toán				

Ghi chú: Các khoản vay ngân hàng đều được đảm bảo bằng tài sản (Xem thuyết minh VII.4)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	55.832.000.000	29.463.642.688	(10.100.000)	16.251.946.674	25.291.059.186	126.828.548.548
Lợi nhuận trong năm 2015					16.228.386.224	16.228.386.224
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	18.139.840.000			(1.021.065.796)	(17.118.774.204)	-
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	3.480.000.000	(310.272.728)				3.169.727.272
Trích lập các quỹ				1.235.759.498	(1.853.639.247)	(617.879.749)
Chia cổ tức					(4.646.504.400)	(4.646.504.400)
Giảm khác					(741.455.698)	(741.455.698)
Số dư cuối năm trước	77.451.840.000	29.153.369.960	(10.100.000)	16.466.640.376	17.159.071.861	140.220.822.197
Số dư đầu kỳ này	77.451.840.000	29.153.369.960	(10.100.000)	16.466.640.376	17.159.071.861	140.220.822.197
Lãi trong kỳ này					8.369.463.188	8.369.463.188
Trích lập các quỹ					(811.419.311)	(811.419.311)
Chia cổ tức					(3.872.087.000)	(3.872.087.000)
Giảm khác					(1.298.270.898)	(1.298.270.898)
Số dư cuối kỳ này	77.451.840.000	29.153.369.960	(10.100.000)	16.466.640.376	19.546.757.840	142.608.508.176

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/6/2016 VND	%	01/01/2016 VND	%
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	17.291.250.000	22,33	17.291.250.000	22,33
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	13.117.500.000	16,94	13.117.500.000	16,94
Vốn góp của các đối tượng khác	47.043.090.000	60,74	47.043.090.000	60,74
<b>Cộng</b>	<b>77.451.840.000</b>	<b>100</b>	<b>77.451.840.000</b>	<b>100</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	77.451.840.000	55.832.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	13.954.530.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	77.451.840.000	69.786.530.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	3.872.087.000	17.120.654.204

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2016	01/01/2016
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	7.745.184	7.745.184
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	7.745.184	7.745.184
- Cổ phiếu phổ thông	7.745.184	7.745.184
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu mua lại</b>	1.010	1.010
- Cổ phiếu phổ thông	1.010	1.010
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	7.744.174	7.744.174
- Cổ phiếu phổ thông	7.744.174	7.744.174
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

**18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	30/6/2016	01/01/2016
Ngoại tệ các loại		
+ USD	80.424,95	116.322,73
+ EUR	241,28	246,74



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

a) Doanh thu	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Doanh thu bán hàng hóa	120.514.156.847	15.184.070.000
Doanh thu bán thành phẩm	137.043.003.096	221.470.005.493
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.532.107.305	4.817.936.143
<b>Cộng</b>	<b>276.089.267.248</b>	<b>241.472.011.636</b>

**b) Doanh thu đối với các bên liên quan**

Xem thuyết minh Báo cáo tài chính phần VII.1

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Giá vốn hàng hóa	117.287.697.907	15.184.070.000
Giá vốn thành phẩm	125.220.123.895	206.824.914.882
Giá vốn dịch vụ	4.823.420.248	-
<b>Cộng</b>	<b>247.331.242.050</b>	<b>222.008.984.882</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	704.819.755	584.791.552
Lãi chênh lệch tỷ giá	491.239.060	309.516.737
Doanh thu hoạt động tài chính khác	373.972.602	-
<b>Cộng</b>	<b>1.570.031.417</b>	<b>894.308.289</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Chi phí lãi vay	8.988.493.827	4.887.907.574
Lỗ chênh lệch tỷ giá	412.288.772	1.582.484.359
Chi phí tài chính khác	-	230.818.189
<b>Cộng</b>	<b>9.400.782.599</b>	<b>6.701.210.122</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>4.742.209.381</b>	<b>3.762.932.132</b>
Chi phí nhân viên	2.042.138.766	1.359.811.580
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.700.070.615	2.403.120.552
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>5.824.675.629</b>	<b>5.259.814.358</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.206.033.265	2.299.079.643
Chi phí khấu hao	321.378.828	868.722.587
Các khoản chi phí quản lý khác	2.297.263.536	2.092.012.128

**6. Thu nhập khác**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
Thu nhập cho thuê mặt bằng	-	2.535.272.728
Thu nhập khác	508.594.727	271.889.101
<b>Cộng</b>	<b>508.594.727</b>	<b>2.807.161.829</b>

**7. Chi phí khác**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
Các khoản bị phạt	192.951.649	-
Chi phí khác	408.938.513	214.205.315
<b>Cộng</b>	<b>601.890.162</b>	<b>214.205.315</b>

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Năm 2016, Thu nhập từ hoạt động chế biến trong thủy sản nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính. Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.267.093.571	7.226.334.945
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	350.438.639	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	350.438.639	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	10.617.532.210	7.226.334.945
Trong đó:		
+ Lợi nhuận tính thuế 15%	4.517.521.171	-
+ Lợi nhuận tính thuế 20%	6.100.011.039	-
+ Lợi nhuận tính thuế 22%	-	7.226.334.945
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.897.630.383</b>	<b>1.589.793.688</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.369.463.188	5.636.541.257
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(836.946.319)	(732.750.363)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	836.946.319	732.750.363
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.532.516.869	4.903.790.894
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.745.184	6.977.643
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>973</b>	<b>703</b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	206.024.322.692	198.280.532.037
Chi phí nhân công	28.595.009.425	24.050.078.341
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.016.783.160	3.301.595.784
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.282.262.959	6.560.690.254
Chi phí khác bằng tiền	12.419.165.204	2.968.139.125
<b>Cộng</b>	<b>258.337.543.440</b>	<b>235.161.035.541</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	47.187.702.060
		Bán hàng hóa, thành phẩm	28.713.246.983
		Doanh thu tài chính	373.972.602

Cho đến ngày 30/06/2016, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu, (phải trả) (VND)
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	Bên liên quan	Phải trả người bán	(2.694.864.380)
		Phải thu khách hàng	11.556.043.590
		Phải thu khác	373.972.602
		Phải trả khác	(4.000.000.000)

**2. Báo cáo bộ phận**

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Xuất khẩu	119.829.927.701	95.089.394.833
Trong nước	156.259.339.547	146.382.616.803
<b>Cộng</b>	<b>276.089.267.248</b>	<b>241.472.011.636</b>

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất chế biến thủy sản nên không trình bày báo cáo bộ phận.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 cũng yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**4. Tài sản đảm bảo**

Công ty có các tài sản đảm bảo cho các khoản vay như sau:

<b>Bên cho vay</b>	<b>Tài sản thế chấp</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Thế chấp tài sản
Ngân hàng TMCP Á Châu	Tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	Tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương Tín	Thế chấp bất động sản
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Đồng Tháp	Thế chấp tài sản hình thành trong tương lai
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Thế chấp bất động sản

**5. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**6. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

1884  
GTY  
M HUU  
TU V  
KET  
TOA  
VIET  
1884



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng cộng
<b>Số cuối năm</b>	<b>277.187.814.997</b>	<b>61.201.484.125</b>	<b>338.389.299.122</b>
Vay và nợ thuê tài chính	245.026.039.429	61.201.484.125	306.227.523.554
Phải trả cho người bán	26.726.005.010	-	26.726.005.010
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả khác	5.435.770.558	-	5.435.770.558
<b>Số đầu năm</b>	<b>208.809.203.930</b>	<b>43.123.739.127</b>	<b>251.932.943.057</b>
Vay và nợ thuê tài chính	183.716.302.075	43.123.739.127	226.840.041.202
Phải trả cho người bán	20.245.954.022	-	20.245.954.022
Chi phí phải trả	382.409.076	-	382.409.076
Các khoản phải trả khác	4.464.538.757	-	4.464.538.757

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**7. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**8. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 và Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C soát xét và kiểm toán.

**9. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

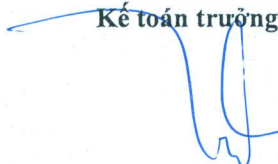
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Vân

TP.HCM, ngày 20 tháng 07 năm 2016

Kế toán trưởng



Dư Thiện Minh Trang

Tổng Giám đốc



Từ Thanh Phụng

